TAND HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2017
V/v: "Tranh chấp HNGĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Đình Thuận
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Dung
Ông Trần Xuân Anh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L– Sinh năm: 1984
HKTT: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tất H - Sinh năm: 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2017 và các bản khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Tất H kết hôn với nhau ngày 22/8/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, đua đòi không chịu làm ăn và đã nghiện ma túy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải cọ, xô xát, chị và gia đình nhiều lần khuyên giải anh H sửa chữa nhưng không có kết quả, Vợ chồng sống ly thân từ thánh 11/2014 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Toà án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Anh H trình bày: Điều kiện và thời gian kết hôn như cô L trình bày là đúng, vợ chồng kết ngày 22/8/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2014 cho đến nay không quan tâm đến nhau, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L đề nghị ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

* Về con chung:

- Chị L trình bày: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Tất T, sinh ngày 01/4/2012, hiện nay cháu T đang ở với anh H, chị yêu cầu giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Anh H trình bày: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Tất T, sinh ngày 01/4/2012, nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản:

Chị L và anh H thống nhất Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tất H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không thể tiến hành hòa giải được và vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ lật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Tất H kết hôn với nhau ngày 22/8/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và lối sống khác nhau luôn bất đồng về quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cải cọ, so sát nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2014 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, nay hai bên xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L xin ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L anh H đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh H là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Tất H có 01 con chung, cháu Nguyễn Tất T, sinh ngày 01/4/2012, hiện nay cháu Thông đang ở với anh H. Hai bên thống nhất giao cháu Nguyễn Tất T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, việc thỏa thuận của các bên phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Tất H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tất T sinh ngày 01/4/2012 cho anh Nguyễn Tất H trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Tất H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2016/ 0002999 ngày 29/9/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKS ND T;
- Chi cục T.H.A T;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận